

Án số 248/2017/HSST
Ngày 15/12/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH KHÁNH HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Ông **TRẦN HOÀI THANH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **NGUYỄN THỊ TÌNH**
Ông **NGUYỄN VĂN QUÝ**

- * *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa :* Ông **ĐỖ KHÁNH HÀ** - Cán bộ
- * *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:*
Ông **NGUYỄN PHI DŨNG** - KSV

Mở phiên tòa công khai ngày 15/12/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 324/HSST ngày 18/10/2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN THỊ CH (Lác)** Sinh năm: 1982
Nơi ĐKNKTT: Thôn Xuân Trang, Xuân Sơn, VN, Khánh Hòa.
Chỗ ở: Tổ 24, Tây Bắc, VH, N, Khánh Hòa.
Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không.
Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: Không biết chữ
Con ông: Trần Lào và bà: Nguyễn Thị Phết (chết)
Chồng: Không có; có một con, sinh năm 2014.

Tiền án:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 179/HSST ngày 29/9/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 06 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Đến ngày 08/9/2009, được miễn chấp hành hình phạt tù còn lại về tội “ Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quyết định miễn chấp hành hình phạt tù số 20/2009/QĐ-CA ngày 08/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 272/2010/HSST ngày 01/12/2010 của Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt ngày 27/4/2013.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 51/HSST ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đang hoãn thi hành án.

Nhân thân: Năm 2001 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đưa vào Cơ sở chữa bệnh bắt buộc theo Quyết định số 1459/QĐ.UB, đến tháng 01/2002 chấp hành xong.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Ông **Vũ Mạnh Cường**
Địa chỉ: Tổ 19, Trường Phúc, VP, thành phố N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 12/7/2016, trong khi tuần tra tại khu vực Tổ 20, Trường Phúc, VP, thành phố N, tổ công tác thuộc Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố N phát hiện Trần Thị Ch có biểu hiện nghi vấn về ma túy nên đã tiến hành kiểm tra. Quá trình kiểm tra, Ch đã tự lấy trong người ra giao nộp cho Tổ công tác 01 bịch nylon bên trong có 44 đoạn ống hút nước nhựa màu trắng hàn kín hai đầu bên trong chứa chất bột nén màu trắng. Tổ công tác tiến hành niêm phong số tang vật trên và đưa Ch về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra, Trần Thị Ch khai nhận toàn bộ số ma túy bị thu giữ trên là do Ch mua của một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) ở khu vực Bến xe Miền Đông, thành phố Hồ Chí Minh với giá 2.000.000đ. Sau khi mua được ma túy, Ch đem về phân nhỏ được 50 tép ma túy, Ch đã sử dụng hết 06 tép ma túy, còn lại 44 tép ma túy thì bị thu giữ như đã nêu trên.

Bản kết luận giám định số 270/GĐTTP/2016 ngày 18/7/2017 và Công văn số 377/PC45 ngày 04/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Mẫu ký hiệu A₁ gửi giám định là ma túy, loại Heroin, có khối lượng 0,1126g.

Bản cáo trạng số 237/CT-VKS ngày 13/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Trần Thị Ch về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Ch đã khai nhận: Bị cáo là người nghiện ma túy. Để có ma túy sử dụng, bị cáo đã mua ma túy của một người (không xác định được lai lịch) tại Bến xe miền Đông, thành phố Hồ Chí Minh về phân nhỏ thành nhiều tép để sử dụng cho bản thân. Ngày 12/7/2017, khi bị cáo đang cất giấu 44 tép hêrôin, có khối lượng 0,1126g thì bị phát hiện, bắt giữ.

Căn cứ diễn biến của vụ án, tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N kiểm sát xét xử tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Thị Ch từ 06 năm tù đến 07 năm về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và áp dụng những tình tiết có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung).

[2] *Hội đồng xét xử nhận thấy*: Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Khánh Hòa; phù hợp lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Theo cáo trạng, khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ là 0,2536g. Nhưng theo Kết luận giám định, hàm lượng ma túy đã thu giữ của bị cáo là 44,39%. Tại Công văn số 763/PC54 ngày 14/12/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa đã xác định khối lượng hêrôin trong 0,2536g là **0,1126g**. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ là 0,1126g để xét xử mà không vượt quá giới hạn xét xử theo quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trần Thị Ch đã tàng trữ 0,1126g hêrôin, theo quy định tại điểm b tiểu mục 3.6 Mục 3 Phần II Thông tư liên tịch số 17/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 Bộ luật Hình sự. Tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” là yếu tố định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Bản cáo trạng số 241/CT-VKS ngày 13/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Trần Thị Ch về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự, trị an ở địa phương, xâm phạm sự độc quyền quản lý của Nhà nước. Bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nhưng không chịu cải tạo, làm ăn lương thiện mà tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Do đó, đối với bị cáo cần có một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[3] Theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung), thì tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù, nhẹ hơn hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 194

Bộ luật hình sự năm 1999. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 “Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015”, Hội đồng xét xử áp dụng khung hình phạt từ 05 năm tù đến 10 năm tù để xử phạt bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với người bán ma túy cho Trần Thị Ch Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đủ căn cứ để xác định.

[4] *Về vật chứng*: Tịch thu, tiêu hủy số hêrôin đã thu giữ, gồm: 01 (một) phong bì giấy được niêm phong kín, mặt trước ghi “Vỏ”, mặt sau có chữ ký niêm phong của Nguyễn Quốc Phong, Phạm Thanh Phương, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Thị Hạnh Cung, Vũ Mạnh Cường và dấu vân tay ngón trỏ của Trần Thị Ch.

Số tiền 600.000đ là của bị cáo, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị Ch** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 99, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015*” đối với bị cáo Trần Thị Ch,

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Ch (Lác) 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng** tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 08 năm 06 tháng tù của bản án hình sự số 51/HSST ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N, buộc bị cáo Trần Thị Ch phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **16 (mười sáu) năm** tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tịch thu, tiêu hủy số hêrôin đã thu giữ, gồm: 01 (một) phong bì giấy được niêm phong kín, mặt trước ghi “Vỏ”, mặt sau có chữ ký niêm phong của Nguyễn Quốc Phong, Phạm Thanh Phương, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Thị Hạnh Cung, Vũ Mạnh Cường và dấu vân tay ngón trỏ của Trần Thị Ch.

(Theo biên bản giao nhận giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N ngày 25/9/2017).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 600.000đ của bị cáo để đảm bảo thi hành án. Theo giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 0009356 ngày 25/9/2017 của Kho bạc Nhà nước thành phố N.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố N;
- Công an TP. N;
- Thi hành án dân sự N;
- Sở Tư Pháp Khánh Hòa;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Thanh